TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS- ST
Ngày: 19-9-2022
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xô và bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Phan H, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương- Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Bà Lã Thùy D, sinh năm 1980; địa chỉ: Phường Q, quận H, TP. Hải Phòng- Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị đơn:** Anh Đặng Duy L, sinh năm 1984 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988. Cùng trú tại: Thôn X, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Đều vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là anh Nguyễn Phan H trình bày như sau:

Anh và vợ là chị Trần Thị T có quan hệ gia đình với vợ chồng chị Nguyễn Thị H, anh Đặng Duy L. Vợ chồng anh có cho chị H và anh L vay tiền nhiều lần:

Lần thứ nhất: Vào ngày 03/7/2017 vợ chồng anh cho anh L và chị H vay số tiền là 100.000.000 đồng. Chị H là người trực tiếp nhận tiền nhưng không viết giấy tờ.

Lần thứ 2: Vào ngày 03/11/2018, vợ chồng anh cho anh L và chị H vay số tiền là 150.000.000 đồng. Anh L là người trực tiếp nhận tiền và có ký vào giấy vay.

Lần thứ 3: Vào ngày 23/11/2018, vợ chồng anh cho anh L và chị H vay số tiền là 350.000.000 đồng. Chị H là người trực tiếp nhận tiền và ký vào giấy vay.

Lần thứ 4: Vào ngày 21/12/2018, vợ chồng anh cho anh L và chị H vay số tiền là 200.000.000 đồng. Chị H là người trực tiếp nhận tiền và ký giấy vay nợ.

Trong giấy vay không ghi thời hạn vay và không ghi lãi suất vay nhưng hai bên có thỏa thuận thời hạn là khi nào anh L bán được xe thì trả (Anh L làm nghề buôn bán xe Ô tô con) và vay có lãi với lãi suất là 1%/tháng. Anh L và chị H đã trả lãi đến hết tháng 01/2019 thì xảy ra tranh chấp giữa hai bên nên từ đó không trả lãi nữa. Anh L khai vay tiền của vợ chồng anh với lãi suất từ 2.000 đến 3.000 đồng/triệu/ngày là không đúng.

Đến nay anh L và chị H chưa trả cho vợ chồng anh toàn bộ số tiền gốc nêu trên. Do vậy vợ chồng anh phải làm đơn khởi kiện anh L và chị H.

Anh L khai với Tòa án là đã trả vợ chồng anh 500.000.000 đồng là không đúng.

Ngoài 04 khoản nợ trên, anh L và chị H còn vay nhiều khoản tiền khác như: Ngày 05/6/2018 anh L trực tiếp vay 200.000.000 đồng; ngày 28/10/2018, chị H trực tiếp vay 170.000.000 đồng; ngày 29/10/2018, chị H trực tiếp vay 30.000.000 đồng; ngày 09/5/2018, chị H trực tiếp vay 200.000.000 đồng và còn nhiều khoản nợ khác nhưng đa số là đã trả xong nên anh đã gạch sổ hoặc xé sổ đi.

Ngoài ra, vào đầu năm 2019 anh L, chị H có nhờ anh vay tiền của Ngân hàng để đưa cho anh chị. Anh có vay 500.000.000 đồng của Ngân hàng và thế chấp quyền sử dụng đất của vợ chồng anh và đưa tiền cho anh L, chị H vay. Đến giữa năm 2020 hết hạn trả nợ nên anh yêu cầu anh L, chị H trả tiền. Anh L bảo chỉ thu xếp được 250.000.000 đồng. Còn lại nhờ anh vay hộ 250.000.000 đồng để trả cho Ngân hàng. Anh đã vay anh Nguyễn Đình K, sinh năm 1970, trú tại: KDC N, phường A, thị xã K 250.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền Ngân hàng anh đã trả anh K và một số người khác và không cho anh L, chị H vay nữa dẫn đến hai bên tranh cãi, xô xát như bản ghi âm anh L cung cấp cho Tòa án. Anh L trình bày có cho anh vay 250.000.000 đồng để đảo sổ Ngân hàng là không đúng. Số tiền 250.000.000 đồng anh L đưa cho anh để trả nợ Ngân hàng nên anh đã trừ vào các khoản vay khác của anh L, chị H không liên quan đến 4 khoản vay với tổng số tiền 800.000.000 đồng anh đang khởi kiện anh L và chị H.

Trong bản ghi âm anh nộp cho Tòa án thì có nội dung anh L thừa nhận vay của vợ chồng anh nhiều khoản vay trong đó có khoản anh đang khởi kiện và có khoản vay đầu tư xe làm ăn và khoản đưa cho anh 250.000.000 đồng để đảo sổ Ngân hàng.

Vợ chồng anh đã yêu cầu anh L và chị H trả 4 khoản nợ trên từ nhiều năm nay. Anh chị đã khất nợ và vợ chồng anh cũng đã cho thời gian để anh chị thu xếp. Việc đòi tiền và khất nợ anh không nhớ thời gian cụ thể. Đến tháng 1/2022 anh quyết định khởi kiện.

Nay anh yêu cầu anh L, chị H phải trả vợ chồng anh số tiền gốc là 800.000.000 đồng. Về lãi, ngoài số lãi anh L, chị H đã trả từ khi vay đến hết tháng 1/2019, vợ chồng anh yêu cầu anh L và chị H phải trả lãi từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (02/3/2022) đến nay theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng là 9%/năm.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự và trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Đặng Duy L trình bày:

Anh và vợ anh là chị Nguyễn Thị H có vay tiền nhiều lần của anh H và chị T. Lần thứ nhất vào ngày 03/7/2017, anh chị vay số tiền là 100.000.000 đồng và vợ chồng anh đã trả xong. Lần thứ 2 vào ngày 03/11/2018 với số tiền là 150.000.000 đồng, số tiền này vay có giấy vay và đến nay anh chưa trả được tiền gốc, nhưng lãi đã trả đến đầu năm 2019 hoặc đầu năm 2020 thì dừng lại do dịch Covid 19 làm ăn khó khăn chưa trả được. Lần thứ 3 là vào ngày 23/11/2018, chị H có vay trực tiếp của anh H số tiền là 350.000.000 đồng, hai bên đều có giấy viết vay và số tiền gốc anh đã trả được 150.000.000 đồng và lãi đã trả được đến đầu năm 2019 hoặc đầu năm 2020 thì dừng lại. Lần thứ 4 là ngày 21/12/2018, chị H có vay trực tiếp của anh H với số tiền là 200.000.000 đồng hai bên có làm giấy tờ viết tay, đến nay cũng chưa trả được gốc, nhưng lãi đã trả được đến đầu năm 2019 hoặc đầu năm 2020 thì dừng lại do dịch Covid 19 làm ăn khó khăn chưa trả được. Nay anh xác định, vợ chồng anh có vay của anh H số tiền là 800.000.000 và đã trả được gốc là 250.000.000 đồng và đã trả được lãi đến đầu năm 2019 hoặc đầu năm 2020 thì dừng lại. Số tiền lãi thì được tính là 3.000 đồng/triệu/ngày và anh không nhớ đã trả được bao nhiêu tiền lãi. Ngoài ra, khoảng tháng 6/2019 anh H có hỏi vay anh số tiền là 250.000.000 đồng để đảo sổ Ngân hàng nên anh đã giao tiền cho anh H tại nhà anh. Hai bên chỉ giao dịch bằng miệng với nhau không viết giấy và không có người làm chứng. Sau đó anh H không trả tiền anh đã cho vay, nên anh xác định số tiền này anh sẽ trừ vào số tiền nợ anh H và nay vợ chồng anh xác định chỉ còn nợ anh H số tiền là 300.000.000 đồng gốc, còn tiền lãi anh đề nghị cho vợ chồng anh xin và số tiền gốc vợ chồng anh sẽ trả dần cho anh H. Anh xác định số tiền vay là số tiền nợ chung của vợ chồng anh.

Người làm chứng là anh Nguyễn Đình K trình bày: Anh và anh H có quen biết và chơi với nhau. Anh không quen biết gì với anh L và chị H. Vào thời gian nào anh không nhớ, cách đây khoảng 2-3 năm anh H có gọi điện thoại cho anh bảo anh mang 100.000.000 đồng đến để trả cho anh H do trước đó anh có vay

tiền anh H. Anh đã mang 100.000.000 đồng đến nhà anh H đưa cho anh H và anh H đã lấy số tiền 100.000.000 đồng này đưa cho chị Nguyễn Thị H (có chồng là anh Đặng Duy L) ở thôn X, xã L vay. Khi anh H đưa tiền cho chị H vay thì giữa chị H và anh H có viết giấy hay không thì anh không biết. Anh cũng không biết anh H và chị H có thỏa thuận gì về lãi suất, thời hạn vay hay không. Anh chỉ được nghe anh H nói với chị H là: *"Tao lấy của người ta lãi suất 1% thì tao cũng lấy của chúng mày là con cháu cũng chỉ 1%"*. Đến nay chị H đã trả cho anh H số tiền này chưa thì anh cũng không biết.

Việc anh Đặng Duy L khai với Tòa án là: Vào ngày 23/11/2018 chị H vay 350.000.000 đồng của vợ chồng anh H. Nhưng sau đó, anh L là người trực tiếp mang 150.000.000 đồng đến nhà anh ở N, A, thị xã K, tỉnh Hải Dương trả cho anh. Do anh H nói số tiền này là của anh nên anh L mang đến trả trực tiếp cho anh. Anh xác định lời khai này của anh L là không đúng. Anh L có trả anh số tiền là 150.000.000 đồng vào khoảng năm 2018 nhưng đây là số tiền anh L vay riêng anh, không liên quan gì đến anh H. Việc anh L trả tiền anh, hai bên không lập văn bản, giấy tờ gì.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn giữ nguyên quan điểm khởi kiện và trình bày trước đây với Toà án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn.

- Chị Nguyễn Thị T nhất trí với yêu cầu của Nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về án phí của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Duy L và chị Nguyễn Thị H. Chị H đã ủy quyền cho anh L tham gia tố tụng, anh L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Phan H về việc yêu cầu anh Nguyễn Duy L và chị Nguyễn Thị H phải trả nợ, thấy rằng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Phan H khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Duy L và chị Nguyễn Thị H phải trả nợ cho vợ chồng anh số tiền gốc là 800.000.000 đồng mà anh L và chị H đã vay nhiều lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào ngày 03/7/2017 anh H và chị T cho anh L và chị H vay số tiền là 100.000.000 đồng. Chị H là người trực tiếp nhận tiền nhưng không viết giấy tờ.

Lần thứ 2: Vào ngày 03/11/2018, anh H và chị T cho anh L và chị H vay số tiền là 150.000.000 đồng. Anh L là người trực tiếp nhận tiền và có ký vào giấy vay.

Lần thứ 3: Vào ngày 23/11/2018, anh H và chị T cho anh L và chị H vay số tiền là 350.000.000 đồng. Chị H là người trực tiếp nhận tiền và ký vào giấy vay.

Lần thứ tư vào ngày 05/6/2018 anh H và chị T cho anh L và chị H vay số tiền là 200.000.000 đồng. Chị H trực tiếp nhận tiền và ký nhận vay tiền.

[3] Anh L thừa nhận anh và vợ anh là chị Nguyễn Thị H đã vay của anh H và chị T 04 lần với tổng số tiền là 800.000.000 đồng như anh H đã trình bày như trên. Như vậy có cơ sở xác định anh L và chị H có vay tiền của anh H và chị T do vậy anh L và chị H phải có trách nhiệm trả nợ.

[4] Hai bên xác định việc vay không có thời hạn nhưng có lãi. Theo anh H, chị T xác định anh chị cho vay theo lãi suất của Ngân hàng nhưng anh L xác định vợ chồng anh vay với lãi suất là từ 2.000 đến 3.000 đồng/triệu/ngày, anh chị đã trả lãi đến khoảng tháng 01 năm 2019 hoặc 2020 thì dừng lại. Tại 03 giấy vay tiền do Nguyên đơn cung cấp thì trong giấy không ghi lãi suất vay. Hai bên cũng trình bày chỉ thỏa thuận bằng miệng. Anh L trình bày khi trả lãi cũng không lập biên bản, chỉ đưa tay. Do vậy không có căn cứ xác định mức lãi suất vay. Nay anh H và chị T yêu cầu, ngoài số lãi anh L, chị H đã trả từ khi vay đến hết tháng 1/2019, anh H còn phải trả lãi với mức lãi suất theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là 9%/năm kể từ ngày 02/3/2022 đến nay là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[5] Anh L trình bày vợ chồng anh đã trả số tiền gốc cho anh H và chị T nhiều lần với tổng số tiền là 500.000.000 đồng, cụ thể: Anh chị đã trả số tiền gốc 100.000.000 đồng anh chị đã vay ngày 03/7/2017 vào cuối năm 2018. Khi trả tiền không viết giấy tờ gì và không có ai chứng kiến. Anh cũng đã trả 150.000.000 đồng tiền gốc đối với khoản vay 350.000.000 đồng vào ngày 23/11/2018. Anh là người mang đến đưa tiền cho anh K ở N, A, K. Lý do anh đưa cho anh K vì anh H nói số tiền này anh H vay của anh K nên anh đưa tiền cho anh K trước sự chứng kiến của anh H, bà T và vợ anh K. Do tin tưởng nên anh không làm giấy tờ và cũng không ghi lại giấy nợ. Ngoài ra, anh xác định vào tháng 6/2019 anh H có vay anh số tiền 250.000.000 đồng để đảo sổ Ngân hàng. Anh đã cho anh H vay số tiền này tại nhà anh có sự chứng kiến của ông P. Do tin tưởng nên anh cũng không yêu cầu viết giấy tờ gì. Sau khi vay thì anh H

tuyên bố số tiền này được trừ vào số tiền nợ ông H. Như vậy vợ chồng anh đã trả số tiền là 500.000.000 đồng nên nay chỉ chấp nhận trả 300.000.000 đồng. Anh H và chị T xác định lời khai của anh L là không đúng. Anh chị xác định anh L và chị H chưa trả anh chị một đồng tiền gốc nào. Anh H trình bày: Vào đầu năm 2019 anh L, chị H có nhờ anh vay tiền của Ngân hàng để đưa cho anh chị. Anh có vay 500.000.000 đồng của Ngân hàng và thế chấp quyền sử dụng đất của vợ chồng anh và đưa tiền cho anh L, chị H vay. Đến giữa năm 2020 hết hạn trả nợ nên anh yêu cầu anh L chị H trả tiền. Anh L bảo chỉ thu xếp được 250.000.000 đồng. Còn lại nhờ anh vay hộ 250.000.000 đồng để trả cho Ngân hàng. Anh đã vay anh Nguyễn Đình K, sinh năm 1970, trú tại: KDC N, phường A, thị xã K 250.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền Ngân hàng, anh đã trả anh K và một số người khác và không cho anh L, chị H vay nữa dẫn đến hai bên tranh cãi, xô xát như bản ghi âm anh L cung cấp cho Tòa án. Anh L trình bày có cho anh vay 250.000.000 đồng để đảo sổ Ngân hàng là không đúng. Số tiền 250.000.000 đồng anh L đưa cho anh để trả nợ Ngân hàng nên anh đã trừ vào các khoản vay khác của anh L, chị H không liên quan đến 4 khoản vay với tổng số tiền 800.000.000 đồng anh đang khởi kiện anh L và chị H, Anh Nguyễn Đình K trình bày: Anh L có trả anh số tiền là 150.000.000 đồng vào khoảng năm 2018, nhưng đây là số tiền anh L vay riêng anh, không liên quan gì đến anh H. Việc trả tiền này anh và anh L không lập biên bản giấy tờ gì. Do vậy không có căn cứ để xác định anh L và chị H đã trả tiền gốc cho anh H và chị T.

[6] Từ những căn cứ và phân tích nêu trên có đủ sở sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc anh L và chị H có trách nhiệm trả cho anh H và chị T số tiền gốc là 800.000.000 đồng và phải trả lãi của số tiền này theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là 9%/năm kể từ ngày 02/3/2022 đến nay.

[7] Số tiền lãi được tính như sau:

800.000.000 đồng x 6 tháng 17 ngày x 9%/năm = 39.400.000.000 đồng.

[8] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Phan H.

Buộc anh Nguyễn Duy L và chị Nguyễn Thị H phải trả cho anh Nguyễn Phan H và chị Trần Thị T số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng và lãi là

39.400.000 đồng. Tổng là 839.400.000 đồng *(Tám trăm ba mươi chín triệu, bốn trăm nghìn đồng)*.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Trả lại anh Nguyễn Phan H 21.500.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm anh H đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0001140 ngày 25/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn.

Anh L và chị H phải chịu 37.182.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Báo nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *VKSND thị xã Kinh Môn;*
- *Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Quyết